

NỘI DUNG HỌC TẬP TẠI NHÀ
Trong thời gian học sinh được nghỉ do dịch Covid – 19
MÔN: SINH 7

Bài 63:

ÔN TẬP

I. SỰ TIẾN HÓA CỦA GIỚI ĐỘNG VẬT

Bảng 1: Sự tiến hóa của giới động vật

Đặc điểm	Cơ thể đơn bào	Cơ thể đa bào				
		Đối xứng tỏa tròn	Đối xứng hai bên			
			Cơ thể mềm	Cơ thể mềm có vỏ đá vôi	Cơ thể mềm có bộ xương ngoài bằng kitin	Cơ thể có bộ xương trong
Ngành	ĐV nguyên sinh	Ruột khoang	- Giun dẹp - Giun tròn - Giun đốt	Thân mềm	Chân khớp	ĐV có xương sống
Đại diện	Trùng roi Trùng biến hình Trùng giày Trùng kiết lị Trùng sốt rét	Thủy tức Sứa Hải quỳ San hô	Sán lông, sán lá gan, sán dây Giun đũa, giun kim, giun rãnh lúa Giun (đũa) đất, giun đỏ. Rươi	Trai sông, sò, ốc sên, ốc vặn, mực	Tôm sông, mọt ẩm, rận nước, cua đồng Nhện, bọ cạp, ve Châu chấu, ruồi, muỗi	Cá chép, cá nhám, cá đuối Ếch đồng, cá cóc Tam Đảo, ếch giun Thằn lằn, rắn, cá sấu Chim bồ câu, đà điểu, chim cánh cụt, gà, vịt Thỏ, thú mỏ vịt, kanguru, cá voi, dơi, chột, hổ, khỉ

II. SỰ THÍCH NGHI THỨ SINH

HS tự đọc thông tin ở mục II → trả lời các câu hỏi:

- Thế nào là sự thích nghi thứ sinh?
- Vì sao con cháu của những động vật đã thích nghi với môi trường cạn lại quay về môi trường nước để sinh sống?
- Bằng cách nào để chứng minh rằng những ĐV này có tổ tiên là những ĐV có xương sống ở cạn?

III. TẦM QUAN TRỌNG THỰC TIỄN CỦA ĐV

Bảng 2: Những ĐV có tầm quan trọng thực tiễn

STT	Tầm quan trọng thực tiễn	Tên động vật	
		ĐV không xương sống	ĐV có xương sống
1. Động vật có ích	Thực phẩm (vật nuôi, đặc sản)	Sứa, trai, sò, ốc, mực, tôm, cua	Cá, ếch, baba, gà, vịt, cút, heo, bò, yến, rùa
	Dược liệu	Ong (tổ ong, mật ong), bọ cạp	Tắc kè, nọc và mật rắn, sừng hươu nai, mật gấu, cao hổ
	Công nghệ (vật dụng, mỹ nghệ, hương liệu)	Rệp cánh kiến, ngọc trai, ốc xà cừ, tằm, san hô, vỏ tôm hùm	Hươu xạ, da, lông, xương hổ, ngà voi, đôi môi, da cá sấu, lông công, trĩ
	Nông nghiệp	Ong mắt đỏ, côn trùng ăn sâu bọ, thụ phấn cây trồng, cây rừng	Trâu bò, thằn lằn, ếch đồng, cá, ếch cóc, chim ăn sâu bọ, rắn dọc dưa, diều hâu, cú vọ mèo. Chim thú phát tán quả hạt
	Làm cảnh	Những động vật có hình thái lạ, đẹp (các loài sâu bọ) được dùng làm vật trang trí, làm cảnh	Chim cảnh (họa mi, yến, sáo), cá cảnh (cá vàng, cá kiếm, ...)
	Vai trò trong tự nhiên	Làm đất trồng màu mỡ, tơi xốp: giun đất, bọ hung, sâu bọ thụ phấn hoa, sâu bọ ở đất phân hủy lá rụng. Trai, sò, hào, vẹm, làm sạch môi trường nước.	Chim thú phát tán hạt cây rừng, cân bằng hệ sinh thái
2. ĐV có hại	Đối với nông nghiệp	Bướm sâu đục thân lúa, rầy nâu, rầy xanh, sâu gai, mọt thóc, mối, các loại ốc sên	Lợn rừng (phá nương rẫy), chim sẻ, cu gáy, gà rừng (ăn hạt), chuột.
	Đối với đời sống con người	Mối (xông gỗ, đục đê), mọt (hại hạt ngũ cốc)	Bồ nông (ăn cá), diều hâu (bắt gà, chim), chuột phá hại vật dụng bằng gỗ, vải.
	Đối với sức khỏe con người	Amíp li, ruồi xê (gây bệnh ngứa), chấy rận, rệp, cái ghẻ, giun sán, gián, ốc mít, ốc tai (vật chủ trung gian, truyền bệnh giun sán), ruồi muỗi...	Chuột (bệnh dịch hạch), mèo chó (mang mầm bệnh dại)....

Bài 64. THAM QUAN THIÊN NHIÊN

Do ảnh hưởng của dịch covid 19, Học sinh không thể tham quan thiên nhiên. Vì vậy Học sinh lên Internet tham khảo và quan sát về động vật (thực hiện theo nội dung SGK sinh 7/ trang 202)